TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 07-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Hoàng Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Que Xa N, sinh năm 1993 – Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997. Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 04 năm 2024 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1955 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 24 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn bà Danh

Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mai C trình bày:

Trước đây, ngày 01/08/2019, Hộ kinh doanh T1 có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V thông qua hợp đồng mua bán ngày 30/07/2019 và hợp đồng mua bán ngày 01/03/2021 cùng với các điều khoản thỏa thuận của 2 bên. Bên cạnh đó, các bên giao dịch qua sổ giao nhận hàng mang tên "Chú 4 Bình AT3". Thời điểm này ông Lê Văn T đang là chủ Hộ kinh doanh Trường H nhưng hiện tại đã đổi sang bà Danh Q Xa Na . Dựa trên văn bản thỏa thuận về việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh được ông T và bà N ký ngày 09/04/2020 tại văn phòng C1 thì ông Lê Văn T đồng ý chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của H1 kinh doanh Trường H cho bà N. Do đó, bà N được toàn quyền đòi và thu hồi các khoản nợ, giải quyết các tranh chấp liên quan trước đây của Hộ kinh doanh T1.

Theo thỏa thuận, hộ kinh doanh T1 sẽ bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông B và bà V. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến tận nơi hoặc ông B và bà V hoặc người nhà đến lấy hàng tại kho Hộ kinh doanh T1. Khi thu hoạch tôm, ông B và bà V phải thanh toán hết tiền hàng cho Hộ kinh doanh T1. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông B và bà V vẫn không thanh toán tiền hàng, thì H1 kinh doanh Trường H có quyền cắt hàng và đề nghị ông, bà thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho H1 kinh doanh Trường H, thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt hợp đồng. Trong quá trình thực hiện giao dịch, Hộ kinh doanh T1 đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông B và bà V. Sau khi nhận hàng ông B và bà V không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà H1 kinh doanh Trường H đã giao. Mặc dù Hộ kinh doanh T1 thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông B và bà V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Đến cuối vụ tôm ông, bà không thanh toán hết tiền hàng cho H1 kinh doanh Trường H.

Vào 19/12/2023, hai bên đã ký bảng đối chiếu công nợ, theo đó bà V đã ký xác nhận còn nợ H1 kinh doanh số tiền nợ gốc là 484.967.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Mặc dù Hộ kinh doanh T1 đã nhiều lần yêu cầu ông B và bà V trả tiền hàng còn nợ cho H1 kinh doanh Trường H nhưng đến nay ông B và bà V vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông, bà đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T1.

Nay bà Danh Que Xa Na - Chủ Hộ kinh doanh T2 (sau đây gọi tắt là bà N) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết, buộc ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V trả cho bà N số tiền nợ gốc là 484.967.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày Bản án/ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho bà N.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 20 tháng 01 năm

2025, bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2022, vợ chồng ông B, bà V có mua thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm của Hộ kinh doanh T1 do bà Danh Q Xa Na làm chủ, mua nhiều lần và có trả nợ cũng nhiều lần nhưng không hết nợ. Tính đến ngày 19/12/2023, vợ chồng ông B, bà V đã ký bảng đối chiếu công nợ, (bà V đại diện ký) xác nhận còn nợ H1 kinh doanh Trường H số tiền nợ gốc là 484.967.000 đồng. Nay ông B, bà V đồng ý trả nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản cho bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H số tiền 484.967.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên khi nào ông B, bà V cho người khác mướn (thuê) ao nuôi tôm mỗi năm được số tiền bao nhiêu thì ông B, bà V trả tiền bấy nhiêu (dự tính cho thuê ao mỗi năm được khoảng 50.000.000 đồng) cho đến khi dứt nợ. Địa chỉ hiện nay của các bị đơn tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên lời trình bày của bà.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị V, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trịnh Văn B chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm là 484.967.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị đơn, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi bà Danh Q Xa Na – Chủ Hộ kinh doanh Trường H nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V, cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B,

bà V phải trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn nợ. Bà N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Trịnh Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh Văn B và nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 484.967.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V đã thừa nhận tính đến ngày 19/12/2023, ông B, bà V còn nợ bà N số tiền 484.967.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh", căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V còn nợ bà N số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 484.967.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, ông B, bà V xin trả nợ dần cho nguyên đơn mỗi năm khoảng 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và tại phiên tòa sơ thẩm bà V vẫn giữ nguyên ý kiến của bà đã trình bày nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị của ông B, bà V và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, bà V.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định "Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán" và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng". Thỏa thuận theo hợp đồng, thì "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán khi thu hoạch tôm". Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong

bên mua là ông B, bà V không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là bà N. Do đó, bà N yêu cầu các bị đơn ông B, bà V phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ 484.967.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 484.967.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.398.680 đồng. Các bị đơn ông B và bà V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, các bị đơn được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H đối với các bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V.

2. Xử buộc các bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn nợ với số tiền tổng cộng là 484.967.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn

đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng các bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.398.680 đồng. Các bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên các bị đơn được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.398.680 đồng.

3.2. Nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 11.699.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0006919 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông Trịnh Văn B vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn